TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 423/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đầy.

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Ông Phạm Tuấn Khanh.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 7, ấp HH, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 7, ấp HH, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị P có mặt, anh V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu. chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa chị Đỗ Thị P trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị và ông Lương Văn V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường hay cờ bạc, rượu chè và bạo hành chị, lần bạo hành gần đây nhất là vào ngày 30/4/2018. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Chị P và anh V có 02 con chung tên Lương Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2000 và Lương Chí C, sinh ngày 18/11/2002. Chị P xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lương Văn V vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy giữa chị P và anh V tự nguyên chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không công nhận chị P và anh V là vợ chồng, về con chung giao 02 con chung cho chị P nuôi dạy là cũng phù hợp với nguyện vọng của các con, về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo đó chị Đỗ Thị P yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Văn V. Về con chung có 02 con chung chị xin nuôi và không yêu cầu anh V cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Đỗ Thị P làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị P có mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Đỗ Thị P và anh Lương Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên việc kết hôn giữa chị P và anh V không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy việc chị P xin ly hôn với anh V, nhưng vẫn không được xem xét mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 không công nhận chị Đỗ Thị P và anh Lương Văn V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2000 và Lương Chí C, sinh ngày 18/11/2002. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 con chung đang sống ổn định với chị P và theo nguyện vọng của các con đều có yêu cầu xin sống chung với chị mẹ, do vậy xét giao 02 con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm chị P phải chịu 300.000đ nói trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002238 ngày 16/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị P đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị P và anh Lương Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lương Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2000 và Lương Chí C, sinh ngày 18/11/2002 chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh V có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002238 ngày 16/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị P đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu